

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 16/2020/HSST**

**Ngày 30/11/2020**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường.**
- Các Hội thẩm nhân dân:     **1/ Bà Huỳnh Thị Châu**  
  **2/ Ông Trần Đại Nghĩa**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Phạm Việt Dũng** – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thủy Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại hội trường A Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/HSST ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Hồng Thị L** (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm 1990 tại Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn B, xã N, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Nơi tạm trú: ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: kinh doanh quán cà phê; Trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên cha: Hồng Văn T, sinh năm: 1969; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1971. Có chồng là anh Trần Văn S, sinh năm: 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/7/2020 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**+/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Hồng Thị N**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh **Nguyễn Văn H**

Nơi cư trú: ấp 6, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh **Thái Văn T**, sinh năm 1995

Nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh **Võ Văn Nh**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: tổ 9, khu phố 5, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

+ Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983

Nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(anh S, chị N, anh H, anh T, anh Nh, anh L và chị H vắng mặt tại phiên tòa)

**+/ Người làm chứng:**

+ Chị **Hà Thị Y**, sinh năm 1998

Nơi cư trú: số 03B, ấp H, xã K, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

+ Chị **Trần Thị Hồng L1**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: tổ 8, khu phố 9, thị trấn Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

+ Anh **Lê Văn Q**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

+ Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1982

Nơi cư trú: xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

+ Anh **Thái Văn Đức Nh**, sinh năm 2002

Nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(chị Y, chị L1, anh Q, anh T, chị H, anh Nh vắng mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Vào khoảng 21 giờ 20 ngày 03/7/2020, Công an huyện Thống Nhất tiến hành kiểm tra quán cà phê K tại ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai do bị cáo Hồng Thị L làm chủ kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình số 47E8010002 ngày 09 tháng 08 năm 2020 do Phòng tài chính – kế hoạch huyện Thống Nhất cấp, phát hiện bắt quả tang tại chòi số 3 có anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1987, trú ấp V, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đang có hành vi mua bán dâm với Trần Thị Hồng L1 (tên thường gọi là U) sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú tại: khu phố 9, thị trấn Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; Tạm trú tại: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và tại chòi số 5 có anh Lê Văn Q, sinh năm 1991, trú ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đang có hành vi mua bán dâm với Hà Thị Y, sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú tại: ấp H, xã K, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú tại: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thu giữ 02 bao cao su; 01 vỏ bao cao su; 03 khăn giấy ướt chưa sử dụng; 02 vỏ bao khăn giấy ướt; 500.000 đồng của Trần Thị Hồng L1; 400.000 đồng của anh Lê Văn Q; 01 chiếc cối kích thước 0,9 m x 2 m; 01 tấm nệm xốp có kích thước 0,7 m x 1,5 m.

Khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của bị cáo L, Công an huyện Thống Nhất thu giữ 13 bao cao su chưa sử dụng; tiền mặt 6.300.000 đồng; 02 quyển tập học sinh ghi tiếp khách uống nước và ghi sinh hoạt phí gia đình; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hồng Thị L; 01 sổ tạm trú và 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Văn S; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

hộ gia đình số 47E8010002; 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại Iphon6 và 02 xe mô tô biển số 36B5-54475 và 60Z6-6077.

Quá trình điều tra xác định: Từ ngày 09/08/2019 đến ngày 03/07/2020 bị cáo Hồng Thị L làm chủ quán cà phê vông, giải khát K thuộc ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Tại quán cà phê K ngoài kinh doanh nước giải khát và cà phê, bị cáo còn tổ chức cho nhân viên của quán mình hoặc gọi nhân viên quán cà phê T (do chị Hồng Thị N, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú tại: thôn B, xã N, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú tại: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, em gái L làm chủ) thực hiện dịch vụ kích dục, mua bán dâm khi khách có nhu cầu. Số tiền thu được từ mỗi lần mua bán dâm tại quán cà phê K là 500.000 đồng cho 60 phút quan hệ tình dục, trong đó bị cáo L được hưởng 250.000 đồng và 400.000 đồng cho 40 phút quan hệ tình dục, trong đó bị cáo được hưởng 200.000 đồng, đã bao gồm tiền nước, bao cao su, khăn ướt và địa điểm để mua bán dâm. Đối với hoạt động kích dục thì 200.000 đồng cho 40 phút massage, kích dục, trong đó bị cáo L được hưởng 150.000 đồng đến 160.000 đồng và 250.000 đồng cho 60 phút massage, kích dục, trong đó bị cáo được hưởng 200.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 50 ngày 03/7/2020, bị cáo Hồng Thị L đang ở quán cà phê T tại ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai thì nhận được điện thoại của chồng tên Trần Văn S báo quán có khách, bị cáo L nói với Trần Thị Hồng L1 cùng Hà Thị Y là nhân viên của quán cà phê T đến quán cà phê K của mình để phục vụ cho khách. Bị cáo sử dụng xe mô tô Wave biển số 60Z6-6077 chở Y và nhờ Thái Văn Đức N (sinh năm 2002, Hộ khẩu thường trú tại: xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú tại: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai) chở L1 đến quán cà phê K.

Tại quán cà phê K, L1 và Y đi thẳng xuống 02 chòi trong quán để hỏi khách uống nước, có nhu cầu thư giãn kích dục hay không. L1 đến chòi số 03 (dãy bên phải từ trên xuống) gặp anh Nguyễn Quốc T, hai bên trao đổi, thỏa thuận đồng ý mua bán dâm (giao cấu) trong thời gian 60 phút với giá 500.000 đồng, L1 lấy tiền từ anh T rồi lên gặp bị cáo L báo về việc mua bán dâm giữa L1 và Thanh, bị cáo đã lấy bao cao su và khăn ướt đưa cho L1 mang xuống chòi phục vụ khách mua dâm. Còn Y đến chòi số 5 (chòi cuối cùng dãy bên trái từ trên xuống) gặp anh Lê Văn Q, hai bên trao đổi, thỏa thuận đồng ý mua bán dâm (giao cấu) trong thời gian 40 phút với giá 400.000 đồng, sau đó Y lên gặp bị cáo L báo về việc mua bán dâm giữa Y và Q, bị cáo đã lấy bao cao su và khăn ướt đưa cho Y mang xuống chòi phục vụ khách mua dâm. Trong lúc L1 và T, Y và Q đang thực hiện hành vi mua bán dâm theo thỏa thuận thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật như trên. Biết hành vi phạm tội của mình không thể che giấu nên cáo L đã ra đầu thú.

Quá trình điều tra bị cáo Hồng Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 101/CT-VKS-ĐQ ngày 30/10/2020 và Quyết định sửa đổi, bổ sung cáo trạng số 32/QĐ.VKS-TN ngày 17/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố bị cáo Hồng Thị L về tội: "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố bị cáo. Về tình tiết tăng nặng bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, gia đình bị cáo có người có công với cách mạng và bị cáo đang nuôi con nhỏ.

Từ những căn cứ trên, áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hồng Thị L từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

**\* Về vật chứng vụ án:**

15 bao cao su (13 bao cao su mới, 02 bao cao su đã qua sử dụng); 01 vỏ bao cao su; 03 khăn giấy ướt chưa sử dụng; 02 vỏ bao khăn giấy ướt; 01 chiếu cói kích thước 0,9m x 2m; 01 tấm nệm xóp có kích thước 0,7 m x 1,5 m; 02 cuốn sổ ghi tiếp khách uống nước và ghi sinh hoạt là tang vật liên quan trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) là tiền thu lợi bất chính từ hoạt động chứa mại dâm của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 chứng minh nhân dân mang tên Hồng Thị L; 01 sổ tạm trú và 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Văn S; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình; 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại Iphone6 và 01 xe mô tô biển số 60Z6-6077 của bị cáo Hồng Thị L và Trần Văn S; 01 xe mô tô biển số 36B5-54475 của ông Thái Văn T qua điều tra, xác minh các vật chứng trên không liên quan đến vụ án, xe mô tô có giấy tờ hợp lệ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Quốc T và Lê Văn Q là người mua dâm, quá trình điều tra đã xác minh tại địa phương theo địa chỉ ban đầu T và Q đã cung cấp nhưng không xác định được người có tên, tuổi, địa chỉ như T, Q đã khai. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Trần Thị Hồng L1, Hà Thị Y đã có hành vi bán dâm, Công an huyện Thống Nhất đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) mỗi người theo quy định tại khoản 1 điều 23 Nghị định 167/NĐCP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là có căn cứ.

Đối với Hồng Thị N hiện nay N đã đóng cửa quán cà phê T bỏ đi đâu, làm gì chưa xác định được, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh và ủy thác điều tra cho Công an thị xã N, tỉnh Thanh Hóa nhưng chưa có kết quả. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ khi nào có kết quả xử lý sau.

Đối với Trần Văn S chồng của bị cáo Hồng Thị L là người đã gọi điện cho bị cáo khi khách đến quán cà phê K tuy nhiên S không biết việc mua bán dâm tại quán nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Thái Văn Đức Nh là người được bị cáo L nhờ chở nhân viên Trần Thị Hồng L1 từ quán cà phê T về quán cà phê K để bán dâm. Quá trình điều tra xác định Nh không biết việc chở L1 lên quán của bị cáo để mua bán dâm nên không có căn cứ xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

**Bị cáo nói lời sau cùng:**

Bị cáo rất ăn năn đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu hiện một mình bị cáo đang nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 50 phút ngày 03/7/2020 Nguyễn Quốc T và Lê Văn Q sau khi ăn nhậu xong cùng rủ nhau đến quán cà phê vông, giải khát K thuộc ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai do bị cáo Hồng Thị L là chủ đề massa thư giãn. Do có khách đến bị cáo đã gọi Trần Thị Hồng L1 cùng Hà Thị Y là nhân viên của quán cà phê T để tiếp khách. Quá trình tiếp khách, tại chòi số 03 Trần Thị Hồng L1 và Nguyễn Quốc T đã thỏa thuận đồng ý mua bán dâm trong thời gian 60 phút với giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), tại chòi số 5 Hà Thị Y và Lê Văn Q đã thỏa thuận đồng ý mua bán dâm trong thời gian 40 phút với giá 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng). Sau đó, L1 và Y lên trao đổi, thỏa thuận với bị cáo L và được bị cáo đồng ý. Số tiền thu được bị cáo hưởng 250.000đ (hai trăm năm mươi ngàn đồng) từ L1 và 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) từ Y. Trong quá trình L1 và T, Y và Q đang thực hiện hành vi mua bán dâm theo thỏa thuận thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Hồng Thị L về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự 2015 (đã sửa đổi, bổ sung 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo có ông nội là Hồng Văn C, bác ruột là Hồng Văn H, Hồng Văn S1 và cha mẹ chồng là ông Trần Văn Đ và bà Nghiêm Thị D là hội viên Hội cựu chiến binh, gia đình bên chồng bị cáo có người có công với cách mạng (Liệt sỹ Trần Văn D bác chồng của bị cáo). Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) nên cần xem xét khi lượng hình cho bị cáo. Do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật là đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

**[4] Về vật chứng vụ án:**

Số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) là tiền thu lợi bất chính từ hoạt động chứa mại dâm của bị cáo cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

15 bao cao su (13 bao cao su mới, 02 bao cao su đã qua sử dụng); 01 vỏ bao cao su; 03 khăn giấy ướt chưa sử dụng; 02 vỏ bao khăn giấy ướt; 01 chiếu cói kích thước 0,9m x 2m; 01 tấm nệm xóp có kích thước 0,7 m x 1,5 m; 02 cuốn sổ ghi tiếp khách uống nước và ghi sinh hoạt là tang vật liên quan trong vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

01 chứng minh nhân dân mang tên Hồng Thị L; 01 sổ tạm trú và 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Văn S; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình; 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại Iphone6 và 01 xe mô tô biển số 60Z6-6077 của bị cáo Hồng Thị L và Trần Văn S; 01 xe mô tô biển số 36B5-54475 của ông Thái Văn T qua điều tra, xác minh các vật chứng trên không liên quan đến vụ án, xe mô tô có giấy tờ hợp lệ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Quốc T và Lê Văn Q là người mua dâm, quá trình điều tra đã xác minh tại địa phương theo địa chỉ ban đầu T và Q đã cung cấp nhưng không xác định được người có tên, tuổi, địa chỉ như T, Q đã khai. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Trần Thị Hồng L1, Hà Thị Y đã có hành vi bán dâm, Công an huyện Thống Nhất đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) mỗi người theo quy định tại khoản 1 điều 23 Nghị định 167/NĐCP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là có căn cứ.

Đối với Hồng Thị N hiện nay N đã đóng cửa quán cà phê T bỏ đi đâu, làm gì chưa xác định được, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh và ủy thác điều tra cho Công an thị xã N, tỉnh Thanh Hóa nhưng chưa có kết quả. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ khi nào có kết quả xử lý sau.

Đối với Trần Văn S chồng của bị cáo Hồng Thị L là người đã gọi điện cho bị cáo khi khách đến quán cà phê K tuy nhiên S không biết việc mua bán dâm tại quán nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Thái Văn Đức Nh là người được bị cáo L nhờ chở nhân viên Trần Thị Hồng L1 từ quán cà phê T về quán cà phê K để bán dâm. Quá trình điều tra xác định N không biết việc chở L1 lên quán của bị cáo để mua bán dâm nên không có căn cứ xử lý.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[2] Tuyên bố: Bị cáo **Hồng Thị L** phạm tội “**Chứa mại dâm**”.

[3] Xử phạt: Bị cáo **Hồng Thị L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo Hồng Thị L trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về vật chứng của vụ án:

[4.1] Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[4.2] Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002412 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

[4.3] Tịch thu tiêu hủy 15 bao cao su (13 bao cao su mới, 02 bao cao su đã qua sử dụng); 01 vỏ bao cao su; 03 khăn giấy ướt chưa sử dụng; 02 vỏ bao khăn giấy ướt; 01 chiếc cốc kích thước 0,9m x 2m; 01 tấm nệm xốp có kích thước 0,7 m x 1,5 m; 02 cuốn sổ ghi tiếp khách uống nước và ghi sinh hoạt (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất)

[5] Về án phí:

[5.1] Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5.2] Buộc bị cáo Hồng Thị L phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- Công an tỉnh Đồng Nai (phòng hồ sơ)
- VKSND H.Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- CA h. Thống Nhất;
- Chi cục THA h. Thống Nhất;
- UBND xã L, h. Thống Nhất;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ
- Lưu HS.

**Vũ Mạnh Cường**